

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-8-2023
Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sở.

Bà Lê Thị Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Trúc P**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: **A Ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh Long An.**

- Bị đơn: Ông **Hồ Văn V**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: **A Ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh Long An**

(Bà **Trúc P**, ông **V** vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2023 và các lời trình bày của bà **Nguyễn Thị Trúc P** có nội dung:

Bà quen biết và kết hôn với ông **Hồ Văn V** từ năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân **xã N, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An**. Bà và ông **V** chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà đã về

nhà mẹ ruột ở từ năm 2022 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **V**.

Về con chung: bà và ông **V** có 02 con chung tên **Hồ Văn D** sinh ngày 07/02/2002 và **Hồ Thị Phương L** sinh ngày 26/6/2005. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông **V** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 19/6/2023, bà có văn bản đề nghị Tòa án xem xét cho bà được vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

*Bị đơn, ông **Hồ Văn V** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:*

Ông **Hồ Văn V** đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông **V** không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà **P**. Phiên tòa hôm nay, ông **V** cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Dại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông **V** và bà **P** đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **P**.

Về con chung: bà **P** và ông **V** có 02 con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do bà **P** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà **Nguyễn Thị Trúc P** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Hồ Văn V** có địa chỉ cư trú tại **thành phố T** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị Trúc P**, Bị đơn là ông **Hồ Văn V**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông **V** đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông **V** không chấp hành. Riêng bà **P** đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa

án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc P và ông Hồ Văn V tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố T, tỉnh Long An năm 2003 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà P thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, biết được việc bà P yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà P. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà P và ông V đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà P và ông V có 02 con chung tên Hồ Văn D sinh ngày 07/02/2002 và Hồ Thị Phương L sinh ngày 26/6/2005. Hội đồng xét xử xét thấy: con chung là Hồ Văn D và Hồ Thị Phương L đã trưởng thành, không bị dị tật làm ảnh hưởng sức khỏe, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên có thể tự lập. Hội đồng xét xử nhận thấy bà Trúc P1 yêu cầu được nuôi dưỡng Phương L là không cần thiết nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của bà P1.

[5] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: bà P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc P, cho bà Nguyễn Thị Trúc P ly hôn với ông Hồ Văn V.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Trúc P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002368 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An thành án phí dân sự sơ thẩm, bà P đã nộp đủ.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh